Tuần: 02 Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

**Tiết 4\_Bài 4: MÔ**

**I. Mục tiêu bài học**

Sau khi học xong bài này, HS cần:

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được khái niệm mô

- Phân biệt các loại mô chính trong cơ thể.

- Nêu được chức năng của từng loại mô trong cơ thể.

**2. Kĩ năng***:*

- Rèn kỹ năng quan sát kênh hình tìm kiến thức

- Kỹ năng khái quát hóa, kỹ năng hoạt động nhóm.

 **3. Thái độ**:

Giáo dục ý thức bảo vệ, giữ gìn sức khỏe.

**4. Năng lực**

 - Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

 - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

 - Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**-** Tranh hình SGK, phiếu học tập, tranh một số loại tế bào, tập đoàn Vônvốc, động vật đơn bào.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Sách, vở, bút và chuẩn bị bài trước

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Hãy cho biết cấu tạo và chức năng các bộ phận của tế bào ?

**3. Bài mới:**

**A: Hoạt động khởi động (**3 phút)

**- Mục tiêu**: **Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.**

**- Phương thức thực hiện:** trực quan- thuyết trình.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| - GV yêu cầu đại diện 1 nhóm trình bày sự chuẩn bị của mình: Hãy kể tên những loại tế bào có hình dạng khác nhau mà em biết ? - Vì sao tế bào lại có hình dạng khác nhau ? + GV: Ở lớp 6 các em đã được tìm hiểu về mô thực vật. Một bạn nhắc lại khái niệm?-GV: Vậy mô ở động vật gồm những loại nào, có gì giống và khác so với mô thực vật, bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu. | - HS quan sát và trả lời:+Tế bào trứng: Hình cầu+ Tế bào hồng cầu: Hình đĩa+Tế bào xương, tế bào thần kinh: Hình sao nhiều cạnh+ Tế bào lót xoang mũi: Hình trụ+Tế bào cơ trơn: Hình sợi dài.- Vì chúng có những chức năng khác nhau.+ Các tế bào giống nhau , cùng làm một nhiệm vụ họp thành một nhóm gọi là mô. Vd: Mô nâng đỡ, mô dự trữ, mô che chở, mô phân sinh, mô mềm,…Mỗi cơ quan của cây do nhiều mô hợp thành. |  |

**B: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

**Hoạt động 1: Khái niệm mô.**

**- Mục tiêu:** HS nêu được khái niệm mô, cho ví dụ về mô ở thực vật.

**- Phương thức thực hiện:** quan sát, vấn đáp, hoạt động cá nhân.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| Các nhóm HS tự nghiên cứu SGK trang 14, 15, 16. Quan sát hình 4.2, 4.3, 4.4, trả lời+ Mô cơ vân (A): Gồm tế bào dài, nhiều nhân, có vân ngang.+Mô cơ tim(B): Gồm các tế bào dài, phân nhánh, có nhiều nhân.+Mô cơ trơn(C): Gồm tế bào hình thoi, đầu nhọn, chỉ có 1 nhân.GV: Thế nào là mô ?- Trong mô, ngoài các tế bào còn có yếu tố không có cấu tạo tế bào gọi là phi bào. | - HS khác nhận xét bổ sung | **I . Khái niệm mô.**- Mô là tập hợp các tế bào chuyên hóa có cấu tạo giống nhau, đảm nhiệm chức năng nhất định. |

**Hoạt động 2: Các loại mô**

**- Mục tiêu:** HS phải chỉ rõ cấu tạo và chức năng của từng loại mô, thấy được cấu tạo phù hợp với chức năng của từng loại mô.

**- Phương thức thực hiện:** quan sát, vấn đáp, hoạt động nhóm.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **-** GV yêu cầu HS trao đổi nhóm, hoàn thành nội dung phiếu học tập. - GV nhận xét kết quả các nhóm và nêu đáp án đúng. | - Đại diện nhóm trình bày (4 nhóm) | **II. Các loại mô.** |
|

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Mô biểu bì | Mô liên kết | Mô cơ | Mô thần kinh |
| Chức năng | Bảo vệ, hấp thụ và tiết (mô sinh sản làm nhiệm vụ sinh sản) | Nâng đỡ, liên kết các cơ quan, đệm (máu vận chuyển các chất) | Co, dãn tạo nên sự vận động của các cơ quan và cơ thể. | - Tiếp nhận kích thích.- Dẫn truyền xung thần kinh.- Xử lí thông tin.- Điều hoà hoạt động các cơ quan. |

 |

**D: Hoạt động Luyện tập (3 phút)**

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

(1) Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

(2) Trả lời câu hỏi SGK.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Cơ vân | Cơ trơn | Cơ tim |
| Đặc điểm cấu tạo | Tb dài, có nhiều nhân, có vân ngang | Tb hình thoi đầu nhọn, chỉ có 1 nhân | Tb dài, phân nhánh, có nhiều nhân |
| Sự phân bố trong cơ thể | Gắn với xương | Phủ ngoài da, lót trong các cơ quan rỗng, thực quản, khí quản, khoang miệng | Tạo thành tim |
| Khả năng co giãn | Co giãn nhiều | Co giãn ít hơn cơ vân và cơ tim | Co giãn kém cơ vân |

Trên chiếc chân giò lợn các loại mô: Mô biểu bì, mô cơ, mô liên kết.

Bài tập: Đánh dấu vào câu trả lời đúng nhất

1 . Chức năng của mô biểu bì là :

A. Bảo vệ và nâng đỡ cơ thể.

B. Bảo vệ, che chở và tiết các chất

C. Co giãn và che chở cho cơ thể

2. Mô liên kết có cấu tạo :

A. Chủ yếu là tế bào có hình dạng khác nhau

B. Các tế bào dài, tập trung thành bó

C. Gồm tế bào và phi bào

3. Mô thần kinh có chức năng :

A. Liên kết các cơ quan trong cơ thể với nhau.

B. Điều hòa hoạt động các cơ quan .

C. Giúp các cơ quan hoạt động dễ dàng.

**E: Hoạt động Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

 ***Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

 ***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

Ta có thể chủ độnglàm cho bắp cơ ở cánh tay ta rút ngắn, phình to hoặc duỗi ra. Nhưng tại sao khi cơ ở ruột co thắt nhiều gây đau bụng ta không thể tự điều khiển cho cơ này giảm co thắt để khỏi đau bụng?

- Cơ ở cánh tay là cơ vân, gắn với xương, cơ này hoạt động theo ý muốn.

-Cơ ở thành ruột là cơ trơn hoạt động không theo ý muốn.

**\* Dặn dò (1 phút)**

Học bài, trả lời câu hỏi 1, 2, 4 SGK.

Đọc trước bài 5

\* Rút kinh nghiệm bài học:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………